

Thời gian làm bài: 50 phút; không kể thời gian phát đề

Câu 1 (TH): Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ 2 là

- A. bị thiệt hại nặng nề về người và của do hậu quả của chiến tranh thế giới thứ hai.
- B. phát triển mạnh mẽ, vươn lên hàng thứ 2 thế giới sau Liên Xô.
- C. phát triển mạnh mẽ trở thành trung tâm kinh tế - tài chính lớn nhất thế giới.
- D. bị suy giảm nghiêm trọng vì phải lo chi phí cho sản xuất vũ khí.

Câu 2 (VD): Nhân tố quan trọng hàng đầu giúp các nước Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Thực hiện các cải cách dân chủ tiến bộ.
- B. Xâm lược trở lại các thuộc địa của mình.
- C. Nhận viện trợ của Mỹ thông qua kế hoạch Mác-san.
- D. Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản.

Câu 3 (VD): Đây là nguyên nhân chung cơ bản dẫn đến 3 trung tâm kinh tế tài chính Mỹ – Tây Âu – Nhật Bản khủng hoảng suy thoái kéo dài trong giai đoạn 1973 - 1991?

- A. Tác động của khủng hoảng năng lượng năm 1973.
- B. Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước công nghiệp mới.
- C. Sự chi phối ảnh hưởng của trật thế giới 2 cực và chiến tranh lạnh.
- D. Kinh tế Mỹ suy thoái kéo theo kinh tế Nhật Bản và Tây Âu

Câu 4 (VD): Việc tìm cách trở lại các thuộc địa cũ sau chiến tranh thế giới thứ 2 của các nước Tây Âu đã ảnh hưởng như thế nào đến Việt Nam?

- A. Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai buộc nhân dân ta phải đứng lên kháng chiến chống Pháp.
- B. Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.
- C. Ngay từ 1945, Pháp – Mỹ đã liên kết lại với nhau để chống cách mạng Việt Nam.
- D. Không ảnh hưởng gì đến Việt Nam vì ngày 2/9/1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tuyên bố thành lập.

Câu 5 (NB): Những thắng lợi nào sau đây đánh dấu chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cùng hệ thống thuộc địa của nó cơ bản bị tan rã?

- A. Thắng lợi của nhân dân Môđambích, Nam Phi.
- B. Thắng lợi của nhân dân Ai Cập, Angiêri.
- C. Thắng lợi của nhân dân Môđambích và Ănggôla.
- D. Thắng lợi của nhân dân Ai Cập, Môđambích.

Câu 6 (VD): Nội dung nào dưới đây không phải là tác động của phong trào giải phóng dân tộc đối với quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Góp phần làm “xói mòn” trật tự hai cực Ianta.
- B. Dẫn đến sự ra đời của hơn 100 quốc gia độc lập trên thế giới.
- C. Dẫn đến tình trạng đối đầu giữa các cường quốc về vấn đề thuộc địa.
- D. Sau khi giành độc lập, các nước tích cực tham gia đời sống chính trị thế giới.

Câu 7 (NB): Xét về bản chất toàn cầu hóa là quá trình

- A. phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất, sự tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.
- C. gia tăng mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.
- D. tạo nên sự phát triển vượt bậc của kinh tế thế giới.

Câu 8 (NB): Nội dung chủ yếu của chiến lược kinh tế hướng nội của nhóm các nước sáng lập ASEAN là

- A. thực hiện công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
- B. tiến hành "cải cách, mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật của nước ngoài.
- C. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu.
- D. nhanh chóng xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ, giải quyết nạn thất nghiệp.

Câu 9 (NB): Sự xác lập cục diện 2 cực, 2 phe trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ 2 tạo nên bởi

- A. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.
- B. sự thành lập khối quân sự NATO và hiệp ước VÁCSAVA.
- C. Chiến lược toàn cầu phân của Mĩ.
- D. Học thuyết Truman của Mĩ.

Câu 10 (NB): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh bùng nổ ở Mĩ Latinh nhằm chống lại lực lượng nào?

- A. Chính quyền độc tài thân Mĩ.
- B. Chủ nghĩa thực dân cũ.
- C. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.
- D. Thực dân phương Tây.

Câu 11 (TH): Lịch sử ghi nhận năm 1960 là năm của châu Phi, vì sao?

- A. Vì chủ nghĩa thực dân sụp đổ ở châu Phi.
- B. Vì hệ thống thuộc địa của đế quốc lần lượt tan rã.
- C. Vì có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
- D. Vì tất cả các nước châu Phi đều giành được độc lập .

Câu 12 (VDC): Việt Nam đã và đang vận dụng nguyên tắc cơ bản nào của Liên hợp quốc để giải quyết vấn đề ở Biển Đông hiện nay?

- A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

- B. Chung sống hoà bình và đảm bảo sự nhất trí giữa 5 nước lớn.
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước.
- D. Giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Câu 13 (NB): Cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, quan hệ giữa Việt Nam với các nước ASEAN

- A. căng thẳng, phức tạp.
- B. đối đầu căng thẳng.
- C. từ đối đầu chuyển sang đối thoại.
- D. hợp tác và phát triển.

Câu 14 (NB): Đặc điểm lớn nhất của cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại là

- A. khoa học đi trước, mở đường cho lực lượng sản xuất.
- B. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ sản xuất.
- D. kĩ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 15 (NB): Cuộc Chiến tranh lạnh kết thúc đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Hiệp định về một giải pháp toàn diện cho vấn đề Campuchia (10/1991).
- B. Cuộc gặp không chính thức giữa Busơ và Goochốp tại đảo Manta (12/1989).
- C. Định ước Henxinki năm 1975.
- D. Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) năm 1972.

Câu 16 (VD): Điểm chung của phong trào Cần vương qua hai giai đoạn phát triển là

- A. xuất hiện nhiều cuộc khởi nghĩa có quy mô rộng lớn và diễn ra trong thời gian dài.
- B. đều có sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước.
- C. nổ ra trên phạm vi rộng lớn đặc biệt là Bắc Kỳ và Trung Kỳ.
- D. đều đặt dưới sự chỉ huy của triều đình.

Câu 17 (TH): Quá trình mở rộng thành viên từ 5 nước sáng lập thành ASEAN ra toàn Đông Nam Á không gặp phải trở ngại nào dưới đây?

- A. Thời gian các nước giành được độc lập khác nhau.
- B. Sự tác động của bối cảnh Chiến tranh lạnh.
- C. Sự đối đầu giữa ASEAN và các nước Đông Dương.
- D. Sự khác nhau về thể chế chính trị.

Câu 18 (TH): Hiệp ước Bali (2 – 1976) đánh dấu bước phát triển mới của tổ chức ASEAN vì đã

- A. xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước.
- B. đưa ra đề nghị xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, trung lập.
- C. đặt ra vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia và bảo vệ hòa bình trong khu vực.
- D. đánh dấu ASEAN trở thành tổ chức toàn Đông Nam Á.

Câu 19 (NB): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô thay đổi như thế nào?

- A. Mâu thuẫn nhau gay gắt về quyền lợi.
- B. Từ liên minh chống phát xít chuyển sang đối đầu Chiến tranh lạnh.
- C. Hợp tác cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề quốc tế lớn.

D. Chuyển từ đối đầu sang đối thoại.

Câu 20 (NB): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, bản đồ chính trị thế giới có những thay đổi to lớn và sâu sắc là do tác động của yếu tố nào?

- A. Sự phát triển của cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- B. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
- C. Trật tự thế giới hai cực Ianta được thiết lập.
- D. Cuộc chạy đua vũ trang giữa các cường quốc.

Câu 21 (VDC): Ý nào dưới đây phản ánh thất bại nặng nề nhất của đế quốc Mĩ trong quá trình thực hiện “chiến lược toàn cầu” ?

- A. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949.
- B. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam năm 1975.
- C. Thắng lợi của cách mạng Cu-ba năm 1959.
- D. Thắng lợi của cách mạng Hồi giáo I-ran năm 1979.

Câu 22 (NB): Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

- A. Thông điệp của Tổng thống Mĩ Truman.
- B. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mĩ.
- C. Diễn văn của ngoại trưởng Mĩ Macsan.
- D. Chiến lược toàn cầu của Tổng thống Mĩ Rudoven.

Câu 23 (NB): Nội dung nào sau đây không phải là xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh?

- A. Các nước lớn điều chỉnh quan hệ theo chiều hướng đối thoại, thỏa hiệp, tránh xung đột trực tiếp.
- B. Hòa bình thế giới được củng cố nhưng ở nhiều khu vực vẫn diễn ra nội chiến và xung đột.
- C. Xu thế toàn cầu hóa diễn ra ngày càng mạnh mẽ.
- D. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ti xuyên quốc gia.

Câu 24 (NB): Ý nào dưới đây không phải là biểu hiện của xu thế hòa hoãn Đông - Tây?

- A. 33 nước Châu Âu cùng Mĩ và Canada kí Định ước Henxinki.
- B. Hiệp định đình chiến giữa miền Triều Tiên được kí kết.
- C. Hai miền nước Đức kí Hiệp định về những cơ sở của quan hệ Đông Đức và Tây Đức.
- D. Liên Xô và Mĩ kí thỏa thuận về việc hạn chế vũ khí chiến lược.

Câu 25 (NB): Đến nửa đầu những năm 70, Liên Xô đã trở thành

- A. nước đầu tiên trên thế giới đưa con người lên mặt trăng.
- B. nước đi đầu thế giới trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai.
- C. nước xuất khẩu vũ khí và lương thực số 1 thế giới.
- D. cường quốc công nghiệp đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai thế giới sau Mĩ.

Câu 26 (NB): Cơ quan giữ vai trò trọng yếu của tổ chức Liên hợp quốc trong việc giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới là

- A. Ban Thư kí.
- B. Hội đồng Bảo an.
- C. Đại hội đồng.
- D. Tòa án Quốc tế.

Câu 27 (VD): Sự khác biệt căn bản nhất giữa Chiến tranh lạnh với các cuộc chiến tranh thế giới diễn ra trong thế kỉ XX là

- A. diễn ra trên hầu hết các lĩnh vực, ngoại trừ xung đột quân sự trực tiếp giữa Mĩ và Liên Xô.
- B. diễn ra trên các lĩnh vực gây nên sự đối đầu căng thẳng giữa hai nước Mĩ và Liên Xô.
- C. diễn ra dai dẳng, giằng co, không phân thắng bại, không có xung đột về quân sự.
- D. làm cho tình hình thế giới luôn trong tình trạng đối đầu, căng thẳng.

Câu 28 (NB): Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, từ quan hệ đồng minh, Mĩ và Liên Xô nhanh chóng chuyển sang quan hệ đối đầu căng thẳng là do

- A. sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc.
- B. mâu thuẫn trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế.
- C. hai cường quốc đều muốn vươn lên khẳng định vị thế của mình.
- D. mâu thuẫn về quyền lợi ở những khu vực khác nhau trên thế giới.

Câu 29 (TH): Trật tự "hai cực Ianta" bị sụp đổ vì

- A. Liên Xô và Mĩ chuyển từ đối đầu sang đối thoại.
- B. ảnh hưởng của Liên Xô và Mĩ bị thu hẹp ở nhiều nơi trên thế giới.
- C. "cực" Liên Xô đã tan rã, hệ thống chủ nghĩa xã hội ở không còn.
- D. Liên Xô và Mĩ chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 30 (VDC): Thành công của công cuộc cải cách - mở cửa của Trung Quốc đã để lại bài học kinh nghiệm đối với các nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó có Việt Nam là

- A. xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.
- B. tập trung vào chính sách mở cửa, xây dựng các đặc khu kinh tế.
- C. tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng.
- D. chuyển sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn.

Câu 31 (NB): Nguyên nhân cơ bản dẫn tới cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) là

- A. vì sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị của chủ nghĩa tư bản.
- B. vì mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa giữa các đế quốc.
- C. vì mâu thuẫn về thị trường tiêu thụ hàng hóa.
- D. vì tranh giành vị trí bá chủ thế giới giữa các nước đế quốc.

Câu 32 (NB): Nhật Bản trở thành siêu cường tài chính số một thế giới từ

- A. thập kỉ 90 của thế kỉ XX.
- B. thập kỉ 70 của thế kỉ XX.
- C. nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX.
- D. nửa đầu những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 33 (VD): Trở ngại chủ yếu nhất của EU và ASEAN trong quá trình liên kết là

- A. sự chi phối của các nước lớn bên ngoài.
- B. sự khác biệt về thể chế chính trị giữa các nước.
- C. sự chênh lệch về trình độ phát triển của các thành viên.
- D. mâu thuẫn giữa lợi ích riêng mỗi quốc gia với lợi ích chung của khối.

Câu 34 (VD): Thực dân Anh đưa ra phương án Mao-bát-ton chia Ấn Độ Thành hai quốc gia tự trị dựa trên cơ sở tôn giáo đã chứng tỏ

- A. cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ hoàn toàn thắng lợi.
- B. thực dân Anh đã hoàn thành việc cai trị Ấn Độ.
- C. thực dân Anh không thể cai trị Ấn Độ như cũ được nữa.
- D. thực dân Anh không quan tâm đến việc cai trị Ấn Độ nữa.

Câu 35 (VD): Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ.
- B. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ không chế.
- C. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- D. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 36 (NB): “Triều đình nhà Nguyễn chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kỳ là đất thuộc Pháp, công nhận quyền đi lại, buôn bán, kiểm soát và điều tra tình hình ở Việt Nam của chúng”. Điều khoản trên được quy định trong Hiệp ước nào?

- A. Hác măng. B. Giáp Tuất. C. Patonôt. D. Nhâm Tuất.

Câu 37 (NB): Năm 1922, Đại hội các xô viết toàn Liên bang dưới sự chủ trì của Lê – nin, đã tuyên bố

- A. Thông qua Chính sách kinh tế mới.
- B. Thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.
- C. Thông qua Luận cương tháng Tư.
- D. Thành lập Chính quyền Xô viết.

Câu 38 (NB): Một trong những nguyên nhân khiến Xô-Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh là

- A. cuộc chạy đua vũ trang quá tốn kém làm cho 2 nước suy giảm về nhiều mặt.
- B. Liên Hợp Quốc yêu cầu chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh.
- C. nhân dân thế giới phản ứng quyết liệt cuộc chiến tranh lạnh.
- D. nhân dân các nước thuộc địa phản đối cuộc chiến này.

Câu 39 (TH): Hội nghị Ianta (2 – 1945) diễn ra căng thẳng, quyết liệt chủ yếu là do các nước tham dự Hội nghị

- A. quan điểm khác nhau về việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- B. có sự đối lập về mục tiêu và chiến lược.
- C. muốn giành quyền lợi tương xứng với vai trò của mình.
- D. mâu thuẫn về vấn đề thuộc địa sau chiến tranh.

Câu 40 (VD): Quyết định của hội nghị Ianta (1945) không ảnh hưởng đến

- A. cuộc cách mạng khoa học và công nghệ. B. số phận của phát xít Đức, Nhật Bản.
- C. quan hệ Liên Xô – Tây Âu sau chiến tranh. D. quan hệ Liên Xô – Mĩ sau chiến tranh.